

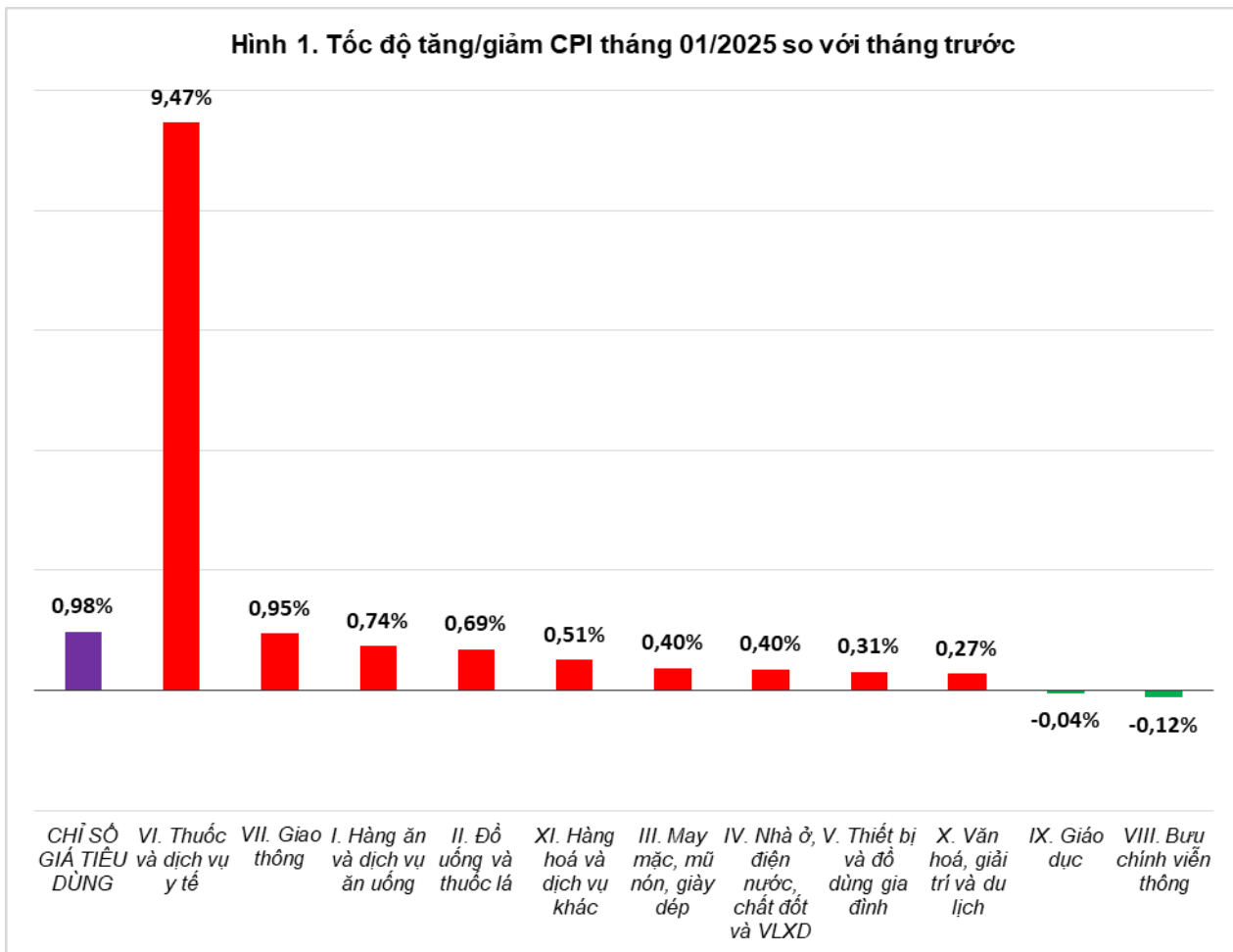
Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2025

## TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG 01 NĂM 2025

Một số địa phương thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT, giá dịch vụ giao thông, thực phẩm tăng do nhu cầu đi lại và mua sắm của người dân tăng trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2025 tăng 0,98% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2024, CPI tháng Một tăng 3,63%; lạm phát cơ bản tháng 01/2025 tăng 3,07%.

### I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 01/2025

So với tháng trước, CPI tháng 01/2025 tăng 0,98% (khu vực thành thị tăng 0,86%; khu vực nông thôn tăng 1,11%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 09 nhóm hàng tăng giá, 02 nhóm hàng giảm giá.



*Diễn biến giá tiêu dùng tháng 01/2025 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:*

### **1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,74%)**

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 01/2025 tăng 0,74%, tác động làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm, trong đó lương thực tăng 0,3%, tác động tăng 0,01 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 0,97%, tác động tăng 0,21 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,33%, tác động tăng 0,03 điểm phần trăm.

#### **1.1. Lương thực (+0,3%)**

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 01/2025 tăng 0,3%. Do nhu cầu tiêu dùng gạo và các mặt hàng lương thực khác tăng trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025 nên giá các mặt hàng này tăng theo:

- Chỉ số giá nhóm gạo tăng 0,31% (Gạo tẻ thường tăng 0,09%; gạo tẻ ngon tăng 0,83% và gạo nếp tăng 1,79%). Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 15.400-19.000 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 21.200-24.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.600-24.900 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.400-41.700 đồng/kg.

- Chỉ số giá một số mặt hàng lương thực khác: Miến tăng 0,83%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,67%; bột mì tăng 0,48%; mì sợi, mì, phở, cháo ăn liền tăng 0,3%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,13%.

#### **1.2. Thực phẩm (+0,97%)**

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 01/2025 tăng 0,97% do nhu cầu của người dân trong ngày lễ ông Công, ông Táo và dịp Tết Nguyên đán tăng cao, tập trung chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Chỉ số giá thịt lợn tăng 2,45% so với tháng trước. Tính đến ngày 27/01/2025, giá thịt lợn hơi cả nước dao động trong khoảng 66.000-69.000 đồng/kg. Theo đó, mỡ động vật tăng 2,62%; nội tạng động vật tăng 1,31%; thịt quay, giò chả tăng 1%; thịt hộp tăng 0,25%.

- Chỉ số giá quả tươi, chế biến tăng 1,53%. Trong đó, giá chuối tăng cao 4,7%; xoài tăng 2,08%; táo tăng 1,75%; quả tươi khác tăng 1,14%.

- Chỉ số giá thủy sản tươi sống tăng 1,38%; thủy sản chế biến tăng 1,06%.

- Chỉ số giá bánh, mứt, kẹo tăng 0,77%; các loại đậu và hạt tăng 0,74%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,69%; đồ gia vị tăng 0,68%; đường tăng 0,46%; sữa, bơ, pho mát tăng 0,32%; trứng các loại tăng 0,3%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá rau tươi, khô và chế biến giảm 0,48%, trong đó giá cà chua giảm 9,49%; bắp cải giảm 6,72%; su hào giảm 6,08%; rau gia vị tươi, khô các loại giảm 1,35% do đang là thời điểm thu hoạch vụ rau đông xuân, thời tiết thuận lợi khiến nguồn cung rau củ dồi dào và phong phú.

### **1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,33%)**

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 01/2025 tăng 0,33%, chủ yếu do giá nguyên liệu chế biến ở mức cao, chi phí nhân công tăng, trong đó giá ăn ngoài gia đình tăng 0,3%; uống ngoài gia đình tăng 0,47%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,42%.

### **2. Đồ uống và thuốc lá (+0,69%)**

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 01/2025 tăng 0,69% do nhu cầu tiêu dùng và sử dụng làm quà biếu tặng tăng vào dịp Tết Nguyên đán khiến giá rượu bia tăng 0,8%; thuốc hút tăng 0,7%; đồ uống không cồn tăng 0,36%.

### **3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,38%)**

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 01/2025 tăng 0,38% do chi phí nhân công, chi phí vật liệu, nhu cầu mua sắm quần áo mùa đông và chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ tăng. Trong đó, may mặc khác tăng 0,65% so với tháng trước; dịch vụ may mặc tăng 0,63%; quần áo may sẵn tăng 0,4%; dịch vụ giày dép tăng 0,37%; vải các loại tăng 0,3%; giày dép tăng 0,24%; mũ nón tăng 0,17%.

### **4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,35%)**

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 01/2025 tăng 0,35%, tác động làm tăng CPI chung 0,07 điểm phần trăm, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá thuê nhà tăng 0,84% do nhu cầu thuê chung cư, nhà trọ tăng, ngoài ra giá bất động sản tăng cao thời gian qua đã khiến các hộ kinh doanh cho thuê nhà tăng giá để phù hợp với chi phí đầu tư.

- Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,74%; giá dịch vụ khác liên quan đến nhà ở tăng 0,27% do nhu cầu tăng vào dịp cuối năm.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,17% do giá xi măng, giá thép tăng theo nhu cầu tiêu dùng.

Ở chiều ngược lại, giá điện sinh hoạt giảm 0,51% so với tháng trước; giá nước sinh hoạt giảm 0,29%<sup>1</sup> do nhu cầu tiêu dùng giảm trong mùa đông. Giá gas giảm 1,26% do từ ngày 01/01/2025, giá gas trong nước điều chỉnh giảm 7.200 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 12,5 USD/tấn chỉ còn ở mức 620 USD/tấn.

### **5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,31%)**

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 01/2025 tăng 0,31% do nhu cầu tiêu dùng tăng vào mùa cưới và dịp Tết Nguyên đán. Trong đó, giá dịch vụ trong gia đình tăng 1,73%; giá máy xay sinh tố, ép hoa quả tăng 0,8%; hàng

<sup>1</sup> Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 01/2025 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 12/2024.

thủy tinh, sành, sứ tăng 0,66%; đồ nhựa và cao su tăng 0,62%; đèn điện thấp sáng tăng 0,35%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,29%; bếp đun không dùng điện, ga và máy điều hòa nhiệt độ cùng tăng 0,24%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,17%; đồ điện tăng 0,14%.

### **6. Thuốc và dịch vụ y tế (+9,47%)**

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 01/2025 tăng 9,47% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,51 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 12,57% do một số địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Bên cạnh đó, thời tiết chuyển sang mùa đông, nhiệt độ chênh lệch nhiều giữa ban ngày và ban đêm nên bệnh cảm cúm, đường hô hấp gia tăng, nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin và khoáng chất của người dân tăng. Cụ thể, giá nhóm thuốc vitamin và khoáng chất tăng 0,34%; thuốc đường tiêu hóa tăng 0,16%; thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,12%.

### **7. Giao thông (+0,95%)**

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 01/2025 tăng 0,95% làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm, trong đó:

- Nhu cầu đi lại của người dân tăng vào dịp cuối năm làm cho giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 11,08%; vận tải hành khách đường bộ và vận tải hành khách bằng đường thủy cùng tăng 1,73%; vận tải hành khách bằng đường sắt tăng 1,71%; vận tải hành khách bằng xe buýt tăng 0,24%.

- Chỉ số giá xăng tăng 2,02% so với tháng trước, chỉ số giá dầu diezen tăng 4,99% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu trong nước.

- Giá phụ tùng ô tô tăng 0,66%; lốp, sắm xe máy tăng 0,28%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,4%.

- Dịch vụ thuê ô tô, xe máy tự lái tăng 0,68%; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,56%, dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,48% do chi phí nhân công và nhu cầu tăng trong dịp cuối năm; học phí lái xe tăng 0,13%.

- Ở chiều ngược lại, giá xe ô tô mới giảm 0,26% so với tháng trước do các hãng xe áp dụng chương trình khuyến mại để kích cầu tiêu dùng.

### **8. Bưu chính viễn thông (-0,12%)**

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng 01/2025 giảm 0,12%. Trong đó, giá máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,74%; phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,72%; máy điện thoại di động thông thường giảm 0,35%; máy điện thoại cố định giảm 0,02%; riêng giá sửa chữa điện thoại tăng 0,27%.

### 9. Giáo dục (-0,04%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 01/2025 giảm nhẹ 0,04%, trong đó dịch vụ giáo dục giảm 0,05% chủ yếu do Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho học sinh trung học cơ sở công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trung học cơ sở năm học 2024-2025.

### 10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,27%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 01/2025 tăng 0,27%, tập trung chủ yếu ở những mặt hàng sau: Giá nhóm hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 1,59% do nhu cầu tăng trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025; du lịch trọn gói tăng 0,64% (du lịch trong nước tăng 0,52%; du lịch ngoài nước tăng 0,99%) do nhu cầu đi du lịch của người dân và chi phí dịch vụ tăng; khách sạn, nhà khách tăng 0,43%; sách, báo, tạp chí các loại tăng 0,12%.

### 11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,51%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 01/2025 tăng 0,51%, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng: Dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 1,91%; nhóm đồ trang sức tăng 0,95%; dịch vụ về cưới hỏi tăng 0,56%; vật dụng thờ cúng tăng 0,42%; đồng hồ đeo tay tăng 0,3%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,11%.

### 12. Chỉ số giá vàng (+1,03%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 27/01/2025, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.719,63 USD/ounce, tăng 2,26% so với tháng 12/2024 do các nhà đầu tư lo ngại lạm phát toàn cầu gia tăng khi một số chính sách của Tổng thống Mỹ Donald Trump bao gồm việc áp thuế cao đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, Mexico và Canada đã làm tăng sự hấp dẫn của vàng. Trong nước nhu cầu mua sắm vàng trước Tết Nguyên đán tăng làm chỉ số giá vàng tháng 01/2025 tăng 1,03% so với tháng trước; tăng 29,13% so với cùng kỳ năm trước.

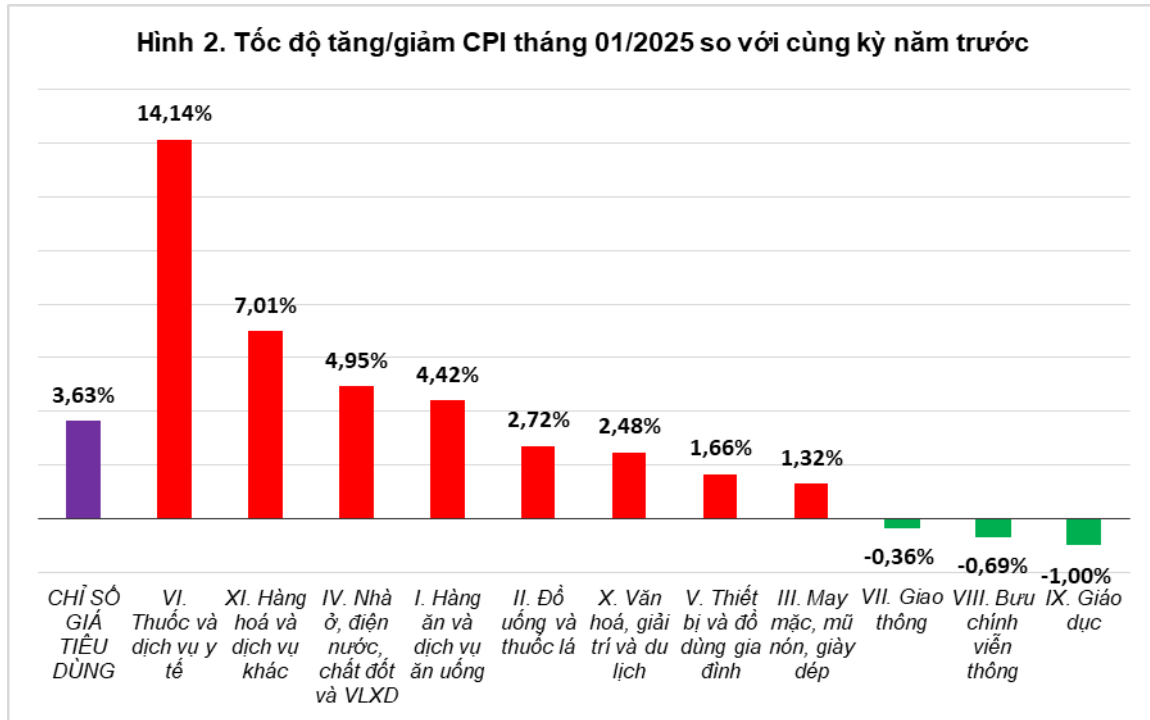
### 13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,21%)

Tính đến ngày 27/01/2025, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 108,57 điểm, tăng 1,49% so với tháng trước do lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ tăng. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.518 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 01/2025 tăng 0,21% so với tháng trước; tăng 3,98% so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Một từ năm 2021 đến năm 2025**

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
CPI tháng 01 so với tháng trước	0,06	0,19	0,52	0,31	0,98
CPI tháng 01 so với cùng kỳ năm trước	-0,97	1,94	4,89	3,37	3,63

**So với cùng kỳ năm trước**, CPI tháng 01/2025 tăng 3,63%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 08 nhóm tăng giá và 03 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 01/2025 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 14,14%, làm CPI chung tăng 0,76 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 7,01%, tác động làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm. Trong đó, lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 17,27%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 6,88%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 2,8%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 2,62%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,95%, tác động làm CPI chung tăng 0,93 điểm phần trăm. Trong đó, nhà ở thuê tăng 5,78%; điện sinh hoạt tăng 5,59%; nước sinh hoạt tăng 4%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,64%; giá gas và các loại chất đốt khác tăng 2,53%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,42% làm CPI chung tăng 1,48 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 3,11%; thực phẩm tăng 4,83%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,98%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,72%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,48% làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,66%, tác động làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ trong gia đình tăng 4,2%; hàng thủy tinh, sành sứ tăng 2,61%; giường, tủ, bàn ghế tăng 2,5%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,32%, tác động làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ giày dép tăng 5,52%; dịch vụ may mặc tăng 3,22%; vải các loại tăng 2,02%; mũ nón tăng 1,98%.

Ở chiều ngược lại, có 03 nhóm hàng có chỉ số giá tháng 01/2025 giảm so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm giáo dục giảm 1%, góp phần làm CPI chung giảm 0,06 điểm phần trăm do trong năm học 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã miễn, giảm mức học phí.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,69%, góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

- Nhóm giao thông giảm 0,36%, góp phần làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm, trong đó giá xăng, dầu giảm 5,26% và ô tô giảm 0,48%.

## II. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản<sup>2</sup> tháng 01/2025 tăng 0,42% so với tháng trước, tăng 3,07% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tăng 3,07% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,63%) chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt và dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

**Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Một từ năm 2021 đến năm 2025**

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Lạm phát cơ bản tháng 01 so với tháng trước	0,27	0,26	0,46	0,21	0,42
Lạm phát cơ bản tháng 01 so với cùng kỳ năm trước	0,49	0,66	5,21	2,72	3,07

## TỔNG CỤC THỐNG KÊ

<sup>2</sup> CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.